

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày: 29 - 08 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/TLST- HS ngày 12 tháng 08 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 08 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 2001 tại **huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn T1** và bà **Lê Thị B**. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 26/3/2024 đến nay tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh N**; có mặt.

2. Trần Văn N, sinh năm 1992 tại **huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **Xóm I, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn C** và bà **Trần Thị N1**. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: 01

+ Bản án số 33 ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 20 tháng tù và 200.000 đồng án phí về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí ngày 13/7/2021, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/11/2022.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 26/3/2024 đến nay tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh N**; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh **Lã Văn H** – sinh năm 1998; Địa chỉ: **Thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt

+ Anh **Bùi Văn T2** – sinh năm 1993; Địa chỉ: **Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

+ Anh **Trần Văn C1** – sinh năm 1989; Địa chỉ: **Xóm I, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh **Phạm Văn K**; vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông **Mai Văn T3**, ông **Phan Văn H1**, anh **Đặng Quốc H2**; Những người chứng kiến vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân nên **Trần Văn T** đã nảy sinh ý định đi mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho người khác nhằm kiếm lời. Buổi sáng ngày 09/3/2024, **T** đến khu vực cánh đồng thuộc **xã K, huyện K** tìm mua ma túy. Tại đây, **T** gặp hỏi và mua được của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy loại heroine với giá 1.000.000 đồng. Sau đó mang về nhà chia làm 07 phần, **T** sử dụng hết 01 phần, còn 06 phần gói lại trong giấy màu trắng cất giấu để ai hỏi mua thì bán. Từ ngày 13 đến ngày 18/3/2024, **T** đã chỉ đạo, điều hành **Trần Văn N** 03 lần bán ma túy cho **Lã Văn H** sinh năm 1998 trú tại **thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình**. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/3/2024, khi **T** và **Trần Văn N** đang ở phòng trọ mà Triều thuê của ông **Phạm Văn H3** sinh năm 1957 trú tại **xóm A, xã H, huyện K** thì **Lã Văn H** gọi điện cho **T** hỏi mua 200.000 đồng ma túy loại Heroine, **T** đồng ý và hẹn **H** đến khu vực cổng Nhà thờ xứ Hương Đạo thuộc **xóm A, xã Đ, huyện K** (gần nhà **T**). Triều đưa 01 gói ma túy cho **N** mang đến điểm hẹn bán cho **H**, **N** đồng ý. Sau đó **N** điều khiển xe mô tô BKS 18Z5 - 4221 đến điểm hẹn. Tại đây **N** nhận 200.000 đồng và đưa cho **H** 01 gói ma túy loại Heroine rồi mang tiền về nhà trọ đưa cho **T**. Sau khi mua được ma túy **H** đã sử dụng hết.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 14/3/2024, cũng bằng hình thức gọi điện, **H** hỏi mua 200.000 đồng ma túy loại Heroine, **T** đồng ý và hẹn đến khu vực hôm trước bán ma túy. Lúc này **T** và **N** đang ở phòng trọ nên **T** đưa 01 gói ma túy và chỉ đạo **Nghĩa** mang gói ma túy đến bán cho **H**, **N** đồng ý. Sau đó **N** điều khiển xe mô tô BKS 18Z5 - 4221 đến điểm hẹn. Tại đây **N** nhận 200.000 đồng và đưa cho **H** 01 gói ma túy loại Heroine rồi mang tiền về nhà trọ đưa cho **T**. Sau khi mua được ma túy **H** đã sử dụng hết.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 18/3/2024, cũng bằng hình thức gọi điện, **H** hỏi mua 600.000 đồng ma túy loại Heroine, **T** đồng ý. Lúc này **T** và **N** đang ở nhà **T** thuộc **xóm A, xã Đ, huyện K** (do nhà trọ Triều thuê đã trả ngày 15/3/2024) nên hẹn **H** đến khu vực trước cổng **Trường P** thuộc **xóm A, xã H, huyện K**. Triều đưa 03 gói ma túy cho **N** bảo **N** đem bán cho **H**, **N** đồng ý rồi để 03 gói ma túy trong túi quần bên phải phía trước đến gặp **H**. Sau khi hỏi mua được ma túy, **H** đi vay tiền không được nên đến điểm hẹn trước để gặp **T** trả lời là không mua ma túy nữa. Hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày, **N** điều khiển xe mô tô BKS 18Z5 - 4221 đến điểm hẹn, khi **N** chưa kịp trao đổi mua bán ma túy với **H** thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều

tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh N và Công an xã H đang làm nhiệm vụ tại khu vực này phát hiện bắt quả tang.

Thu của N 03 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng (ký hiệu Q1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp 02 sim, sim 1 số “0356629637”, sim 2 số “0962800324” (ký hiệu Q2) và xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 18Z5 - 4221; thu của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lắp sim số “0813043705” (ký hiệu Q3).

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh N tiến hành triệu tập Trần Văn T để làm việc, tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp 02 sim, sim 1 số “0878753079”, sim 2 số “0964087681”; 01 ví giả da bên trong có 01 thẻ ATM của ngân hàng V mang tên Trần Văn T và số tiền 1.400.000 đồng trong đó có số tiền T bán ma túy cho H ngày 13 và 14/3/2024.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn N ở xóm I, xã K, huyện K, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật gì liên quan đến ma túy. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T ở xóm A, xã Đ, huyện K, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trên giường trong phòng ngủ của Triều ở tầng hai 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng (ký hiệu K).

Tiến hành mở niêm phong 03 gói nhỏ thu giữ của N bên trong đều là chất bột dạng cục màu trắng có tổng khối lượng 0,1929 gam (ký hiệu M1); gói nhỏ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Triều bên trong là chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng 0,0594 gam (ký hiệu M4) để trưng cầu giám định.

Tại kết luận giám định số 325/KL-KTHS-MT ngày 26/3/2024 của Phòng KTHS - Công an tỉnh N kết luận: Mẫu gửi giám định kí hiệu M1 có khối lượng 0,1929 gam, kí hiệu M4 có khối lượng 0,0594 gam đều là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra Trần Văn T và Trần Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKS - KS ngày 11/08/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn N phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng:

Khối lượng ma túy ký hiệu M1 = 0,1246 gam heroin còn lại sau giám định bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

Vỏ túi nilon ký hiệu M4 bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu Q1 và các mảnh giấy gói màu trắng.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu K và mảnh giấy gói màu trắng.

02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu bỏ trong phong bì ký hiệu DT1 và DT2.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT2 thu giữ của **Trần Văn T.** (tiêu hủy hai thẻ sim)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT1 thu giữ của **Trần Văn N.** (tiêu hủy hai thẻ sim)

01 ví giả da và 01 thẻ ATM của **ngân hàng V** mang tên **Trần Văn T** bên trong ví.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT2 thu giữ của **Trần Văn T.** (tiêu hủy hai thẻ sim)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT1 thu giữ của **Trần Văn N.** (tiêu hủy hai thẻ sim)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ do **T** bán ma túy cho anh **H** vào ngày 13 và 14/3/2024 trong số tiền thu giữ.

Trả lại cho bị cáo **T** số tiền còn lại là 1.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí bị cáo **Trần Văn T** và **Trần Văn N** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo **Trần Văn T** và **Trần Văn N** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người chứng

kiến và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 18 tháng 03 năm 2024, biên niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 12 giờ 20 phút ngày 18 tháng 03 năm 2024, biên bản về việc thu giữ đồ vật, tài sản lập hồi 11 giờ 35 phút ngày 18 tháng 03 năm 2024. Biên bản khám xét lập hồi 14 giờ 20 phút và 12 giờ 25 phút ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại nhà ở của **Trần Văn N** và **Trần Văn T**, kết luận giám định và các vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/3/2024 và khoảng 10 giờ ngày 14/3/2024, **Trần Văn T** có hành vi chỉ đạo, điều hành **Trần Văn N** bán trái phép 02 gói ma túy loại Heroine cho **Lã Văn H** giá 200.000 đồng một gói tại khu vực cổng Nhà thờ xứ Hướng Đạo thuộc xóm A, xã Đ, huyện K và hồi 10 giờ 20 phút ngày 18/3/2024 tại khu vực trước cổng **Trường P** thuộc xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. **Triều** chỉ đạo **Nghĩa** mang theo 0,1929 gam Heroine để bán trái phép cho **H** với số tiền 600.000 đồng nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt quả tang đồng thời **T** còn cất giấu trái phép tại chỗ ở của mình 0,0594 gam Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân và bán cho người khác nhằm thu lợi bất chính.

Trần Văn N là người thực hiện theo sự chỉ đạo, điều hành của **Trần Văn T**, mặc dù biết là ma túy và biết sẽ được hưởng lợi từ việc bán ma túy nên **N** đã thực hiện hành vi lấy ma túy từ **T** mang đi bán trái phép cho **Lã Văn H** là đồng phạm với **T** trong vai trò thực hành.

Heroin là chất ma túy thuộc bảng danh mục IA, số thứ tự 9 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy.

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm

...

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo **Trần Văn T** và **Trần Văn N** với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được chấp nhận.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động xấu đến toàn xã hội. Ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm

khác, đồng thời làm ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của con người, làm khánh kiệt về kinh tế của người sử dụng ma túy, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cả hai bị cáo đang còn trẻ và trong độ tuổi lao động nhưng đã không tìm công việc làm ăn chân chính và phù hợp để tạo ra thu nhập cho bản thân, biết rõ heroin là những chất ma túy bị Nhà nước cấm mua bán, tàng trữ và sử dụng nhưng với mục đích vụ lợi trước mắt mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện và vi phạm pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Triều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo N đang có một tiền án về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích do vậy lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp: “Tái phạm,, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Như vậy cả bị cáo T và N đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây và vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Văn T trong vụ án này giữ vai trò chính là người chủ mưu cầm đầu trực tiếp mua ma túy về cất giấu sau đó chỉ đạo Trần Văn N bán ma túy cho các con nghiện nhằm thu lời bất chính. Do vậy bị cáo T giữ vai trò cao hơn bị cáo N.

Bị cáo N dù không trực tiếp mua ma túy, chia ma túy không bàn bạc thống nhất với T từ việc mua bán ma túy nhưng khi Trần Văn T chỉ đạo bị cáo bán ma túy cho Lã Văn H, mặc dù biết là ma túy nhưng do được hưởng lợi từ việc bán ma túy nên bị cáo không phản đối mà tích cực giúp T bằng cách cầm ma túy mang bán cho anh Lã Văn H. Do vậy bị cáo N đóng vai trò thực hành theo chỉ đạo của bị cáo T trong việc mua bán ma túy. Bị cáo N đang có một tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, do đó cũng cần có hình phạt thật nghiêm khắc cho bị cáo N.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thì mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có hình phạt thật nghiêm khắc đối với cả hai bị cáo và xử lý nghiêm bằng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo mua bán ma túy nhằm phục vụ nhu cầu nghiện ma túy của bản thân và nếu có người mua thì bán lại nhằm thu lời bất chính, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương cả hai bị cáo không có nhà đất và không có tài sản gì. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với cả hai bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Cơ quan CSĐT đã trả Xe mô tô BKS 18Z5 - 4221 cho anh **Trần Văn C1** (anh trai **N**), anh **C1** không biết **N** mượn xe để đi bán ma túy qua điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh **C1**. Trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số “0813043705” cho anh **Bùi Văn T2**. Qua điều tra xác định điện thoại thuộc quyền sở hữu của anh **T2**, ngày 12/3/2024 anh **T2** cho **H** mượn nhưng không biết **H** sử dụng điện thoại để liên lạc mua ma túy với **T**. Việc Cơ quan CSĐT đã trả xe máy cho anh **C1** và điện thoại di động cho **T2** đã đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với những vật chứng còn lại căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

Khối lượng ma túy ký hiệu M1 = 0,1246 gam heroin còn lại sau giám định bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

Vỏ túi nilon ký hiệu M4 bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu Q1 và các mảnh giấy gói màu trắng.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu K và mảnh giấy gói màu trắng.

02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu bỏ trong phong bì ký hiệu DT1 và DT2.

Các vật chứng thu giữ trên là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành phục vụ cho việc điều tra vụ án nay không còn giá trị sử dụng. Do vậy nay cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT2 thu giữ của **Trần Văn T**. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT1 thu giữ của **Trần Văn N**. Do các bị cáo sử dụng liên lạc để bán ma túy. Nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước (tiêu hủy các thẻ sim trong hai điện thoại)

Số tiền 400.000đ do **T** bán ma túy cho anh **H** vào ngày 13 và 14/3/2024 trong số tiền thu giữ của **T** do phạm tội mà có nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền còn lại là 1.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo **T** nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

01 ví giả da bên trong có 01 thẻ ATM của **ngân hàng V** mang tên **Trần Văn T**. Nay bị cáo không đề nghị nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Trong vụ án này có **Lã Văn H** là người sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 13 và 14/3/2024 **H** đã mua ma túy của **Trần Văn T** và **Trần Văn N** để sử dụng, do số ma túy đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng. Ngày 18/3/2024, **H** lại gọi điện mua ma túy của **T** nhưng tự ý không mua nữa trước khi **N** bị bắt quả tang. Do đó hành vi của **H** không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với **H**.

Về nguồn gốc Heroine: Trần Văn T khai mua ma túy của người đàn ông không quen biết tại khu vực cánh đồng xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đây là lần đầu tiên T mua ma túy của người này, bản thân không biết tên tuổi địa chỉ, nếu gặp lại cũng không nhận dạng được. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K chưa đủ căn cứ để xác minh, xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn N là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn N

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 03 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng gồm:

Khối lượng ma túy ký hiệu M1 = 0,1246 gam heroin còn lại sau giám định bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

Vỏ túi nilon ký hiệu M4 bỏ trong 01 phong bì niêm phong ghi số 325/KL-KTHS-MT cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu Q1 và các mảnh giấy gói màu trắng.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu K và mảnh giấy gói màu trắng.

02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu bỏ trong phong bì ký hiệu DT1 và DT2.

01 ví giả da và 01 thẻ ATM của ngân hàng V mang tên Trần Văn T bên trong ví.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT2 (tiêu hủy hai thẻ sim)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp hai thẻ sim bỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu DT1 (tiêu hủy hai thẻ sim)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ trong số tiền thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T số tiền còn lại là 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 08 năm 2024 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 16 tháng 08 năm 2024 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/08/2024), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- CA huyện K : 03 bản.
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh Bình : 02 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 02 bản
- NCQLNVLQ: 03 bản.
- Lưu hồ sơ : 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh